

Organic synthesis

A-Level Chemistry · Vocabulary

English	中文	Pinyin
functional group	官能团	guān néng tuán
acyl chloride	酰氯	xiān lǜ
phenol	苯酚	běn fēn
arene	芳烃	fāng tīng
electrophilic substitution	亲电取代	qīn diàn qǔ dài
reduction	还原	huán yuán
oxidation	氧化	yǎng huà
carboxylic acid	羧酸	suō suān
ester	酯	zhǐ
amine	胺	àn
amide	酰胺	xiān àn
nitrile	腈	jīng
synthetic route	合成路线	hé chéng lù xiàn
reagent	试剂	shì jì
addition-elimination	加成消去	jiā chéng xiāo qù
by-product	副产物	fù chǎn wù